

Số: /KH-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 85/NQ-CP);

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Quyết định số 150/QĐ-TTg);

Căn cứ Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 15-CTr/TU);

Căn cứ Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; văn bản số 1363-CV/ĐU ngày 27/02/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 35-KH/TU);

Trên cơ sở nội dung tham mưu, đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt nghiêm túc, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP, Quyết định số 150/QĐ-TTg, Chương trình hành động số 15-CTr/TU, Kế hoạch số 35-KH/TU, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; xác định nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài, là nền tảng quan trọng bảo đảm ổn định vĩ mô, tăng trưởng bền vững, trong đó nông

dân là trung tâm, là chủ thể, là động lực, nguồn lực của quá trình đổi mới và phát triển; phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, được đặt trong mối quan hệ hữu cơ, gắn kết chặt chẽ với phát triển tổng thể nền kinh tế của tỉnh, phát triển đô thị, bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp; gắn với bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP, Quyết định số 150/QĐ-TTg, Chương trình hành động số 15-CTr/TU và Kế hoạch số 35-KH/TU gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030; phân công rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp, tiến độ thực hiện và bảo đảm nguồn lực triển khai, làm cơ sở để các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khắc phục tồn tại, hạn chế; bảo đảm việc thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP, Quyết định số 150/QĐ-TTg, Chương trình hành động số 15-CTr/TU và Kế hoạch số 35-KH/TU đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng; là nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế biển và dịch vụ - du lịch mũi nhọn của địa phương, giải quyết hài hòa với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, tăng cường liên kết vùng và phát huy các giá trị đa ngành, đa lĩnh vực; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao khả năng chống chịu trước thiên tai và biến đổi khí hậu.

2. Quán triệt sâu sắc chuyển đổi từ tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang tư duy “kinh tế nông nghiệp”; phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Tối ưu hóa lợi thế so sánh của địa phương để tạo ra các sản phẩm đặc thù có giá trị gia tăng cao, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị gia tăng theo chuỗi ngành hàng.

3. Xây dựng nông thôn mới là quá trình toàn diện, thực chất, đi vào chiều sâu và bền vững, hướng tới không gian sống xanh, sạch, đẹp và văn minh. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, hiện đại, tiệm cận tiêu chuẩn đô thị; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng sống của người dân nông thôn.

4. Nông dân là trung tâm, là chủ thể và là đối tượng hưởng lợi chính trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tập trung nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, năng lực ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên đổi số; xây dựng đội ngũ nông dân văn minh, chuyên nghiệp, có tư duy kinh tế và khả năng thích ứng với cơ chế thị trường. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, trọng tâm là kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, tổ hợp tác và các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh hợp tác công - tư (PPP), phát huy vai trò của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã và doanh nghiệp đầu tàu trong liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

III. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực gắn với các chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng tỉnh Khánh Hòa thành Thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2027, trên cơ sở phát huy cao độ các tiềm năng và lợi thế, nhất là lợi thế về kinh tế biển. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm đầu tư phát triển vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; rút ngắn khoảng cách chênh lệch vùng, miền; giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội và chủ quyền biển, đảo.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về nông nghiệp

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản bình quân 3,17%/năm cho cả giai đoạn 2026-2030 (từ 2,81%/năm - 3,5%/năm). Tỷ trọng nông, lâm, thủy sản trong GRDP bình quân khoảng 10,56%; vào năm 2030 còn khoảng 8,56%.

- Phát triển mạnh nuôi biển công nghệ cao, đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm nuôi biển quốc gia

- Hoàn thiện chuỗi nuôi trồng, khai thác, chế biến, xuất khẩu thủy sản theo hướng bền vững, hiện đại.

b) Về nông dân, nông thôn

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: 1-1,5%/năm.

- Phấn đấu 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2027, trong đó có 10% xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt từ 80 - 90%, trong đó 40% có bằng cấp, chứng chỉ.

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn, dao động từ 87,5% đến 90,2%; ổn định, duy trì ở mức 90,2% vào năm 2030.

c) Về quản lý tài nguyên, môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 47%.
- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại đạt 100%.
- Tăng diện tích khu bảo tồn biển, ven biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai kinh tế tuần hoàn; phát triển lâm nghiệp bền vững, đa dụng; triển khai các chương trình REDD+; giảm phát thải khí nhà kính theo lộ trình đến net zero vào năm 2050.
- Hoàn thiện các quy định, cơ chế về giao đất, cho thuê đất, định giá đất; tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, nhất là tài nguyên đất đai.
- 100% hồ đập đảm bảo an toàn đập; đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phấn đấu đến năm 2045, tỉnh Khánh Hòa có nền nông nghiệp sinh thái phát triển hiệu quả, bền vững, thân thiện với môi trường theo hướng liên kết chuỗi giá trị, ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện đại mang lại giá trị gia tăng cao. Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái theo hướng liên kết chuỗi giá trị, tập trung vào các loại cây trồng, vật nuôi đặc thù, tiềm năng, lợi thế, chất lượng, sức cạnh tranh cao gắn với chế biến và mở rộng thị trường xuất khẩu. Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, vững chắc.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ chung

a) Đổi mới công tác tuyên truyền, tư duy, nhận thức và định hướng phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và đóng góp quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo vệ tài nguyên và môi trường trong tiến trình thúc đẩy tăng trưởng “2 con số”, đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới. Đổi mới phương thức truyền thông thông qua các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm thay đổi tư duy của cả hệ thống chính trị về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Tích cực phổ biến, tuyên truyền các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, nông dân, nông thôn tiêu biểu; khắc phục tình trạng thông tin không chính xác ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục xác định nông nghiệp, nông dân (bao gồm cả ngư dân, diêm dân), nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài, là nền tảng quan trọng bảo đảm ổn định vĩ mô, tăng trưởng bền vững. Nông dân là trung tâm, chủ thể, động lực của quá trình đổi mới. Chuyển mạnh sang tư duy sản xuất hàng hoá, đẩy mạnh cơ cấu lại theo hướng

phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, bảo vệ môi trường sinh thái. Trọng tâm: Thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2050; phát triển nông nghiệp số, thông minh; xây dựng vùng sản xuất tập trung ứng dụng số hóa, blockchain; nuôi biển công nghệ cao và thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn, hỗ trợ các dự án xanh, thúc đẩy chuyển đổi xanh và đầu tư vào các ngành kinh tế thân thiện với môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp và môi trường, thúc đẩy quá trình “xuất khẩu ngành nông nghiệp” để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng, uy tín và vị thế của đất nước.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyên giao công nghệ, ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; thử nghiệm, thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, vượt trội.

- Chú trọng đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nông thôn, phát triển kinh tế biển. Ưu tiên phân bổ ngân sách đầu tư cho: hạ tầng thủy lợi, bảo vệ môi trường, hạ tầng nuôi biển, nông nghiệp số, logistics. Tập trung triển khai các nhiệm vụ lớn: Đô thị thông minh; dịch vụ logistic; Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo Khánh Hòa; phát triển hệ thống cảng biển (Khu bên Cà Ná, Ninh Chữ thành cảng tổng hợp quốc gia; khu bên Vân Phong thành cảng trung chuyển quốc tế); tháo gỡ điểm nghẽn đất đai; xây dựng Nhà máy xử lý rác thải công nghệ hiện đại.

c) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh

- Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao hiệu quả từ nông sản có giá trị thấp sang nông sản có giá trị cao, chuyển đổi những vùng lúa năng suất thấp, một vụ sang sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; chú trọng xây dựng những vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho những sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh. Phát triển hệ sinh thái kinh tế nông nghiệp (nông, lâm, thủy, hải sản) thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh Chương trình OCOP; phát triển các sản phẩm đặc thù chủ lực (nho, táo, sầu riêng Khánh Sơn, xoài Cam Lâm, hành, tỏi, măng tây xanh...; dê, cừu, tôm giống, yến sào...). Thúc đẩy xuất khẩu, minh bạch truy xuất nguồn gốc và liên kết chặt chẽ “6 nhà”. Triển khai các Đề án trọng điểm: Đánh giá nông hóa thổ nhưỡng; quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản (diện tích bảo tồn biển đạt 6%); chăn nuôi an toàn sinh học; Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương. Đặc biệt chú trọng bảo vệ diện tích đất lúa năng suất, chất lượng cao.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an

ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, khai thác và chế biến theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp; tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã nông nghiệp tham gia phát triển vùng nguyên liệu nông sản tập trung.

d) Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp; nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, năng lực quản trị, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số cho nông dân, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Đào tạo nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyên đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn, ưu tiên động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

đ) Phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực

Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dân theo yêu cầu phát triển để người nông dân dần hình thành tư duy sản xuất kinh tế hàng hoá lớn, chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng rộng rãi khoa học - công nghệ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến; có kiến thức, kỹ năng số, đặc biệt là thương mại điện tử; chủ động thích ứng biến động thị trường, thiên tai, dịch bệnh; có tinh thần trách nhiệm và hợp tác cùng phát triển. Xây dựng, triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận vốn, tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp; tạo điều kiện để nông dân tham gia khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp ở nông thôn, hoà nhập vào chuỗi giá trị mới. Ưu tiên bồi dưỡng nguồn nhân lực cho vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, ven biển, hải đảo

e) Phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, thông minh, gắn với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội

- Thực hiện hài hòa giữa phát triển kinh tế - phát triển văn hóa, xã hội - bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng - nâng cao chất lượng đời sống - giữ gìn bản sắc văn hóa. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân. Phát triển toàn diện khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng khác; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030. Hoàn thành mục tiêu nông thôn mới giàu đẹp, bản sắc, kết nối quy hoạch đô thị và nông thôn theo hướng “làng trong phố, phố trong làng”. Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng; nâng cao thu nhập, chất lượng sống của cư dân nông thôn; bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới và an ninh trật tự tại cơ sở. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; phát triển kinh tế nông thôn theo hướng đa giá trị, gắn sản xuất nông nghiệp với du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, làng nghề truyền thống và các sản phẩm OCOP. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất

g) Đầu tư kết cấu hạ tầng

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường đồng bộ, đa mục tiêu. Phân đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2030 cho khu vực này tăng ít nhất gấp 2 lần so với giai đoạn 2011-2020 đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng cả nước “2 con số” giai đoạn 2026-2030 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường đầu tư hệ thống điều tra cơ bản, giám sát, quan trắc tài nguyên đất, nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo; phát triển cơ sở dữ liệu tài nguyên đồng bộ, thống nhất, phục vụ chuyển đổi số quốc gia; chú trọng hạ tầng kỹ thuật để quản lý, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, bờ biển. Tổng hợp các nguồn lực tài nguyên, đặc biệt là đất đai và rừng, biển, nước... thành giá trị vật chất, hạ tầng và tài chính cho phát triển ngành.

- Tập trung đầu tư các công trình, dự án có tính chất phòng ngừa, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường liên vùng; ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng phân tích, xử lý dữ liệu, mô hình hóa phục vụ cảnh báo và dự báo chất lượng môi trường, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường; tăng cường hạ tầng quan trắc, viễn thám, cảnh báo môi trường; đầu tư các trung tâm ứng cứu, xử lý sự cố môi trường trọng điểm.

h) Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, theo nguyên tắc thị trường. Đẩy nhanh hoàn thiện hệ

thống pháp luật, cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, minh bạch các yếu tố thị trường để có khả năng vốn hóa các nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả. Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất, tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch.

- Phục hồi rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, các hệ sinh thái sông, hồ, nguồn nước ngầm; kiểm soát ô nhiễm. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm lâm nghiệp. Ưu tiên đầu tư vào các chương trình phục hồi rừng ngập mặn, rừng đầu nguồn, đất ngập nước. Phát triển “hạ tầng xanh”, “hệ sinh thái tự nhiên chống chịu” với thiên tai.

- Ngăn chặn ô nhiễm, suy giảm đa dạng sinh học. Bảo tồn quỹ gen và phát triển các Khu bảo tồn (Vịnh Nha Trang, Hòn Bà, Núi Chúa, Phước Bình, Đầm Nại) gắn với du lịch và kinh tế. Đầu tư hệ thống xử lý rác thải, nước thải, giảm thiểu chất thải nhựa. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo. Chủ động kích bản ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các dự án ven biển, cửa sông, đồi núi nguy cơ sạt lở.

2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể theo từng lĩnh vực

a) Lĩnh vực trồng trọt

- Tập trung xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Hữu cơ gắn với Chương trình OCOP.

- Đối với khu vực phía Nam của tỉnh (khu vực khô hạn): Ưu tiên phát triển một số loại cây thế mạnh như nho, táo, nha đam, tỏi, hành tím. Đối với khu vực phía Bắc của tỉnh: Tập trung ưu tiên một số loại cây như: sầu riêng, xoài, bưởi... và các loại rau màu đặc sản. Mở rộng mã số vùng trồng đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Quản lý chặt chẽ đất lúa, thúc đẩy chuyển đổi linh hoạt trên đất lúa kém hiệu quả. Áp dụng đồng bộ quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), tăng cường phân bón hữu cơ, vi sinh.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

- Từng bước hiện đại hóa phương thức chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại tập trung, an toàn sinh học và tuần hoàn. Khuyến khích mô hình chăn nuôi gắn với du lịch nông nghiệp.

- Phát triển chuỗi liên kết từ sản xuất - giết mổ - chế biến - tiêu thụ đối với các sản phẩm lợi thế (dê, cừu, bò, lợn, gia cầm). Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác giống.

c) Lĩnh vực thủy sản

- Khai thác: Giảm dần cường lực khai thác ven bờ, tái bố trí sinh kế ngư dân; tuân thủ quy tắc chống khai thác IUU. Hiện đại hóa đội tàu, đầu tư hạ tầng dịch vụ nghề cá.

- Nuôi trồng: Triển khai hiệu quả Đề án thí điểm phát triển nuôi biển công

nghe cao. Đầu tư hạ tầng vùng nuôi, vùng sản xuất giống, chuyển đổi lồng bè truyền thống sang vật liệu mới an toàn. Áp dụng công nghệ sinh sản nhân tạo, thức ăn tự động (IoT, AI), công nghệ IMTA đa loài tích hợp.

- Bảo vệ nguồn lợi: Tăng diện tích khu bảo tồn biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp

- Bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng tự nhiên. Phục hồi rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng; đẩy mạnh cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- Phát triển giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng, dược liệu, dịch vụ môi trường rừng (REDD+) và du lịch sinh thái; phát triển công nghiệp chế biến lâm sản sâu gắn với hội nhập quốc tế.

đ) Lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu, ứng phó biến đổi khí hậu; các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước tại vùng khô hạn.

- Xây dựng bản đồ ngập lụt, sạt lở, quy trình vận hành liên hồ chứa. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai. Xây dựng Đề án Phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét. Xây dựng Đề án an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Thực hiện hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ”, chủ động cảnh báo, dự báo sớm thiên tai.

e) Xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn

- Thực hiện Chương trình nông thôn mới gắn với đô thị hóa (“làng trong phố, phố trong làng”). Đầu tư hạ tầng đồng bộ, xử lý dứt điểm vấn đề rác thải, nước thải sinh hoạt nông thôn.

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp; nâng tầm sản phẩm OCOP; nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm.

g) Hoàn thiện thể chế, phát triển nhân lực và huy động nguồn lực

- Triển khai chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai nông nghiệp. Mở rộng tín dụng theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh Hợp tác công tư (PPP).

- Đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động, xây dựng đội ngũ cán bộ HTX và nông dân kinh doanh giỏi; ưu tiên đầu tư các nguồn lực góp phần giảm nghèo đa chiều cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, khu vực đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển.

3. Danh mục các nhiệm vụ, chương trình, đề án trọng điểm

(Theo Phụ lục đính kèm)

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường

xuyên) theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2026-2030.

3. Kinh phí huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Nghiêm túc quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP, Quyết định số 150/QĐ-TTg, Chương trình hành động số 15-CTr/TU, Kế hoạch số 35-KH/TU và Kế hoạch này nhằm tạo sự thống nhất cao, đồng thuận trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong tỉnh.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, khẩn trương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo "**6 rõ**" "*rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả*", khả thi, hiệu quả, đúng pháp luật trong đó cần bám sát nhiệm vụ, chương trình, đề án trọng điểm; hoàn thành **trước 15/7/2026**. Định kỳ hàng năm (ngày 20/12 hàng năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; đồng thời đánh giá những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tỉnh ủy và cơ quan có thẩm quyền theo quy định; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp; thu hút đầu tư, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và liên kết chuỗi giá trị.

- Tham mưu, đề xuất các nội dung liên quan đến định hướng khuyến khích tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo quy định của pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất nông nghiệp.

b) Sở Tài chính

- Phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách liên quan lĩnh vực nông nghiệp, nông

thôn, phát triển kinh tế hợp tác đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, phân cấp nhiệm vụ chi và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện các chính sách phát triển thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng thương mại điện tử.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện các chính sách thương mại đối với hàng nông sản, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn và thông lệ quốc tế.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương theo nhiệm vụ được phân công để hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ và xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa.”

d) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh Khánh Hòa.

- Phối hợp, hỗ trợ triển khai các hoạt động chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tham gia thẩm định, góp ý đối với các nhiệm vụ, dự án về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn; đào tạo nghề phải gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã...).

- Phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở vùng nông thôn.

e) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Phối hợp, hỗ trợ kết nối phát triển mô hình du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, phát huy làng nghề truyền thống và văn hóa địa phương.

- Hỗ trợ phát triển và quảng bá các sản phẩm OCOP, xây dựng các mô hình du lịch trải nghiệm gắn với nông nghiệp, nông thôn. Phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tại các thị trường khách du lịch trọng điểm.

g) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

Phối hợp triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại nhằm thu hút đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; hỗ trợ quảng bá, kết nối tiêu thụ, mở rộng thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc trưng và sản phẩm OCOP của tỉnh.

h) Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; chủ động tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án có liên quan; lồng ghép nguồn lực và các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

i) Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc

Tăng cường vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện và phối hợp trong thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội; phát huy vai trò của các tầng lớp nhân dân trong công cuộc phát triển ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

k) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Cụ thể hóa Kế hoạch này thành các chương trình, dự án, hành động phù hợp với điều kiện của địa phương. Chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa bàn.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời gửi kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Báo và PTTH Khánh Hòa;
- Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND cấp xã;
- VPUB tỉnh: LĐVP, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, TB, TLe, HC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Hoàng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình ¹	Sản phẩm
1	Xây dựng chương trình phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026	Quyết định
2	Đề án phát triển nuôi biển công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương ven biển và các sở, ngành liên quan	2026	Quyết định
3	Ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tăng cường ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ xây dựng và phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	Hàng năm	Kế hoạch
4	Hỗ trợ quảng bá, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh trên các nền tảng ứng dụng thương mại điện tử	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	Hàng năm	Kế hoạch
5	Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	Hàng năm	Quyết định

¹ Thời gian trình cụ thể đối với các nhiệm vụ trong năm 2026 theo Quyết định của cấp thẩm quyền.

6	Đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	Hàng năm	Quyết định
7	Đề án xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Dân tộc và Tôn giáo và các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026	Quyết định
8	Thu hút đầu tư nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	Hàng năm	Kế hoạch
9	Hỗ trợ phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở vùng nông thôn	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã; các Sở, ban ngành có liên quan	Hàng năm	Kế hoạch
10	Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Dân tộc và Tôn giáo	UBND cấp xã; các Sở, ban ngành có liên quan.	Hàng năm	Kế hoạch
11	Đề án số hóa vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; các Sở, ban ngành có liên quan.	2026	Quyết định
12	Đề án xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; các Sở, ban ngành có liên quan.	2026	Quyết định
13	Đề án phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Liên minh HTX; Sở Tài chính; các HTX trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành, địa phương có liên quan	2026	Quyết định
14	Đề án hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	2026	Quyết định

15	Lập bản đồ cảnh báo thiên tai (ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã; các sở, ngành có liên quan	2026	Quyết định
16	Kế hoạch xử lý dứt điểm các tồn tại trong công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường ven biển	2026	Kế hoạch
17	Chính sách hỗ trợ chuyển đổi lồng bè nuôi biển bằng vật liệu truyền thống sang vật liệu mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính các sở, ngành có liên quan; UBND xã, phường ven biển	2026	Quyết định